

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2021/HSST
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN - TỈNH VĨNH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh và bà Phan Thị Nhung

Thư ký phiên Tòa : Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân
Thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia
phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Phúc Yên,
tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39 /2020/HSST
ngày 3 tháng 2 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24
/2021/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số
17/2021/QQĐST-HS ngày 12/3/2021 đối với bị cáo:

1/ Họ và tên: Chu Tự D (Tên gọi khác: Không có) Sinh ngày 08 tháng 2
năm 1977. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường T Ch, Thành phố Phúc Yên, tỉnh
Vĩnh Phúc. Chỗ ở hiện nay: thôn Ngọc Quang, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc
Yên, tỉnh Vĩnh phúc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình
độ học vấn: 7/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Chu Tự Q (Đã chết) và
con bà: Nguyễn Thị T sinh năm 1946, có vợ : Cao Thị Hồng T sinh năm 1978; Có 3
con. Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Năm 2015 bị TAND thị xã Phúc Yên áp dụng khoản 1 điều 254;
điểm p khoản 1 điều 46; điểm n khoản 1 điều 48 BLHS 1999 (xúi giục người chưa
trưởng thành phạm tội) xử phạt 3 năm tù về tội Chứa mại dâm, chấp hành xong án phí
và phạt bổ sung ngày 03/3/2016, ra trại ngày 13/5/2018, đã được xóa án tích ngày
13/5/2020. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được thay
thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại tại địa phương. (Hôm
nay có mặt tại phiên tòa)

2/ Họ và tên: Nguyễn Văn L (Tên gọi khác: Không có) sinh ngày 21 tháng 3
năm 1984 tại : TDP Đ, phường Đ, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú:
TDP Đ, phường Đ, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc Quốc tịch: Việt Nam; Dân

tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Văn T sinh năm 1963 con bà: Đinh Thị Ch sinh năm 1964; Vợ, con: không. Tiền án: 06 Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hôm nay có mặt tại phiên tòa)

3/ Họ và tên: Nguyễn Chung K (Tên gọi khác: Không có) sinh năm 1984 Tại : Tổ 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú : Tổ 6, phường Đ, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Mạnh T sinh năm 1955 con bà: Lê Thị C sinh năm 1956; có vợ : Đỗ Thị T sinh năm 1984; Có 2 con.

- Tiền án: 02, cụ thể:

- Tại bản án số 168/2013/HSST ngày 27/9/2013 của TAND huyện Sóc Sơn – Hà Nội, áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt Nguyễn Chung K 07 tháng tù về tội Đánh bạc. Ra trại ngày 07/02/2014, án phí xong tháng 4/2014.

- Ngày 12/1/2016 K có hành vi Trộm cắp tài sản, trị giá 12.180.000đ, K bỏ trốn đến ngày 22/01/2018 bị bắt theo lệnh truy nã. Tại bản án số 27/2018/HSST ngày 29/5/2018 của TAND thành phố Phúc Yên, áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 (tái phạm) BLHS năm 1999, xử phạt Nguyễn Chung K 1 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, án phí xong tháng 13/7/2018, ra trại ngày 22/6/2019, chưa được xóa án tích (đến ngày 22/6/2021 mới được xóa án tích).

-Tiền sự: Không . Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại tại địa phương.(Hôm nay có mặt tại phiên tòa)

4/ Họ và tên: Phạm Văn C (Tên gọi khác: Không có) sinh năm 1977 tại : thôn Sơn Đồng, xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh phúc. Nơi cư trú thôn S, xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh phúc Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Phạm Văn G sinh năm 1947 và con bà Mẹ đẻ: Kiều Thị B sinh năm 1949, có vợ Vợ: Đỗ Thị Thanh M sinh năm 1980; Có 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại tại địa phương.(Hôm nay có mặt tại phiên tòa)

5/ Họ và tên: Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Không có) sinh năm 1988 tại ; thôn N, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú tại ; thôn N, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Văn T sinh năm 1960 con bà: Lê Thị P sinh năm 1962; Vợ : Nguyễn Thị T, con: không. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại tại địa phương.(Hôm nay có mặt tại phiên tòa)

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn H sinh năm 2062 (vắng mặt không có lý do)

Thường trú tại xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

+ Người làm chứng :

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1983(vắng mặt không có lý do)

Thường trú tại xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

+ Người chứng kiến:

-Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1980 (vắng mặt không có lý do)

Thường trú tại: xã C, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 27/11/2020 Nguyễn Chung K thường trú : Tổ 6, phường Đ, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc ; Phạm Văn C thường trú : Thôn S, xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; Nguyễn Văn L thường trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Phúc Yên và Nguyễn Văn T thường trú : Thôn N, xã T, Nông Cống, Thanh Hóa đến nhà ở của Chu Tự D ở thôn N, xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc ngồi chơi uống nước.

Khoảng 23 giờ 00 cùng ngày, D rủ và được L, K, C và T đánh xóc đĩa ăn tiền tất cả đều đồng ý và đi vào 01 gian phòng phía sau nhà của D để đánh bạc. Năm người nêu trên ngồi xuống chiếc chăn đã trải sẵn dưới nền nhà, thống nhất mức chơi bạc tối thiểu 20.000đ, còn tối đa không hạn chế. D lấy bát, đĩa để xuống chiếu bạc, còn K dùng chiếc kéo cắt 04 quân vị từ vỏ bao thuốc lá Vina để làm quân sóc đánh bạc. **Long xóc cái cho** D, K, C và T đánh bạc từ 23h ngày 27/11/2020 đến 00 giờ 20 phút ngày 28/11/2020 thì bị Công an thành phố Phúc Yên bắt quả tang, thu giữ vật chứng theo quy định. Quá trình điều tra vụ án xác định các bị can đã sử dụng số lượng tiền để đánh bạc, cụ thể như sau: D sử dụng số tiền 2.200.000đ , L sử dụng số tiền 2.060.000đ ,K sử dụng số tiền 1.800.000đ ,C sử dụng số tiền 1.800.000đ T sử dụng số tiền 1.200.000đ .Tổng số tiền các bị can đã sử dụng để đánh bạc là: 9.060.000đ

+ Thu giữ vật chứng liên quan đến án :

- Thu giữ tiền tại chiếu bạc là 9.060.000đ. Thu giữ tại chiếu bạc: 01 bát sứ , 01 đĩa sứ, 04 quân vị, 01 chiếc chăn đã qua sử dụng.**Đối với chiếc kéo bị can K sử dụng để cắt 04 quân vị, K khai đã vứt bỏ mất, không thu giữ được**

- Tạm giữ 07 chiếc điện thoại di động (ĐTDD) các loại, cụ thể:

- Nguyễn Chung K: 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu OPPO A5 2020 màu đen, bên trong có lắp sim số 0965773311 và số 0353.472.222;

- Nguyễn Văn L 02 chiếc ĐTDD gồm: 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng bên trong có lắp sim số 0989.331.108; 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, bên trong có lắp sim số 0985.535.605;

- Chu Tự D: 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Nokia 105 màu đen bên trong có lắp sim số 0353931065 và sim số 0973.563.127;

- Nguyễn Văn T 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Oppo F7 màu đen bên trong có lắp sim số 0961.051.359;

- Phạm Văn C 02 chiếc ĐTDD gồm: 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Oppo A5 màu trắng, bên trong có lắp sim số 0964.263.376; 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có lắp sim số 0962.957.342.

- Tạm giữ của Phạm Văn H, SN 1962 trú tại S,xã N,thành phố Phúc Yên , tỉnh Vĩnh Phúc là người ngồi xem đánh bạc: 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn đỏ, BKS 88F5 - 8622, số khung: LLCLXN3B802142919, số máy: LC152FMH02142919;Tạm giữ của Nguyễn Văn L: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Vision màu sơn đen, đeo BKS: 88H1 - 01609, số khung: RLHJF3312DY002347, số máy: JF33E – 0397837. Đến nay chưa làm rõ được chủ sở hữu hợp pháp của 02 chiếc xe trên, nên cơ quan điều tra giữ lại tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

.Cáo trạng số: 11/CT-VKSPY ngày 1 tháng 2 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Chung K theo điểm d khoản 2 Điều 321 bộ luật hình sự. Các bị cáo Chu Tự D, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Phúc Yên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Chu Tự D, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T,Nguyễn Văn L và Nguyễn Chung K phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng : Điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L từ 3 (ba) năm 10 (mười) tháng đến 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Nguyễn Văn L thi hành án. Thời gian tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn L từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được trừ vào thời hạn chấp hành phạt.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chung K 03 (ba) năm 08 (tám) tháng đến 3 (ba) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Nguyễn Chung K thi hành án. Thời gian tạm giữ của bị cáo Nguyễn Chung K từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Chu Tự D 01(một) năm đến 1 (một) năm 03 (ba) tháng tù ,thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Chu Tự D thi hành án. Thời gian tạm giữ của bị cáo Chu Tự D từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C 7 (bảy) đến 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi , thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn C cho UBND xã Ngọc Thanh,thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 7 (bảy) tháng đến 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi , thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã Thăng Long,huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. .

Áp dụng khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự phạt mỗi bị cáo từ 12.000.000,0 đồng đến 15.000.000.0 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Phúc Yên còn đề nghị tuyên nghĩa vụ của người được án treo, thủ tục khi người được án treo thay đổi nơi cư trú, xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo bản án theo qui định.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Chung K ,Chu Tự D, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, ăn năn hối hận, các bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: [1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo thừa nhận : Khoảng từ 23 giờ 00 ngày 27/11/2020 đến 0 giờ 20 phút ngày 28/11/2020, tại nhà ở của Chu Tự D ở thôn N, xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đang ngồi chơi uống nước thì Chu Tự D có hành vi khởi xướng và trực tiếp tham gia đánh sộc đĩa ăn tiền cùng với: Nguyễn Văn L Nguyễn Chung K, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phúc Yên bắt quả tang. Tổng số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc là: 9.060.000đ

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai của chính bị cáo, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập đúng trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Chu Tự D, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T đã phạm tội “Đánh bạc”, được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Chung K đã phạm tội “Đánh bạc”, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

+ Khoản 1 Điều 321 quy định:

1. “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền... từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

+ Khoản 2 Điều 321 quy định:

2. “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 3 năm đến 07 năm:

.....

d) Tái phạm nguy hiểm;”.

Do vậy bản Cáo trạng số: 11/CT-VKSPY ngày 01 tháng 2 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Chu Tự D, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T đã phạm tội “Đánh bạc”, được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Chung K đã phạm tội “Đánh bạc”, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

3. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ.

Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo Chu Tự D, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Chung K sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm Văn C và Nguyễn Văn T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Phạm Văn C, Nguyễn Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Phạm Văn C có bố mẹ được tặng huy chương kháng chiến và bằng khen của UBND tỉnh Vĩnh Phúc nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Chu Tự D, Nguyễn Văn L và Nguyễn Chung K được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Chu Tự D vào thời điểm phạm tội không có tiền án, tiền sự nhưng đã 1 lần bị đưa ra xét xử và mới chấp hành xong, trong vụ án này bị cáo D có vai trò vừa là người khởi xướng, vừa là người trực tiếp đánh bạc cho nên trong số bị cáo bị truy tố theo khoản 1 điều 321 bộ luật hình sự thì D phải có mức án cao nhất.

Bị cáo Nguyễn Văn L trong vụ án này không chỉ phạm tội với vai trò thực hành là người trực tiếp tham gia đánh bạc mà L là người xóc cái cho các bị cáo khác đánh bạc. Bị cáo L đã 6 lần đưa ra xét xử và chấp hành xong các bản án nhưng chưa được xóa án. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này Bị cáo L bị bắt tạm giữ từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Nguyễn Văn L bị khởi tố cho tại ngoại, nhưng ngày 07/01/2021 tiếp tục có hành vi Trộm cắp tài sản, ngày 08/01/2021 L bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Đông Anh - Hà Nội tạm giữ hình sự. Ngày 15/01/2021 bị khởi tố bị can, tạm giam về tội Trộm cắp tài sản. Điều này có cơ sở khẳng định bị cáo L là người khó giáo dục để trở thành người công dân tốt, mức án của L phải cao hơn nhiều so với mức án của Nguyễn Trung K trong khung hình phạt mà Long và K bị truy tố theo khoản 2 điều 321 Bộ luật hình sự, mặc dù ngoài hành vi đánh bạc thì trong vụ án này Kiên còn có vai trò chuẩn bị công cụ để dùng vào đánh bạc

Bị cáo Phạm Văn C và Nguyễn Văn Tr phạm tội với vai trò đồng phạm, ngoài hành vi bị đưa ra xét xử hôm nay các bị cáo chưa có hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Do vậy chỉ cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt nhất định nhưng cho các bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho UBND cấp xã nơi cư trú quản lý giáo dục trong

thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự phạt mỗi bị cáo từ 10.000.000,0 đồng đến 15.000.000.0 đồng nộp ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Cản tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thu giữ tại chiều bạc là 9.060.000đ.
- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 4 quân vị, 01 chiếc chăn đã qua sử dụng.
- Trả lại 07 chiếc điện thoại di động (ĐTDD) các loại cho các bị cáo vì quá trình điều tra xác định 07 chiếc ĐTDD nêu trên không sử dụng vào việc đánh bạc, không liên quan đến vụ án. Cụ thể như sau:

- Trả Nguyễn Chung K: 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu OPPO A5 2020 màu đen, bên trong có lắp sim số 0965773311 và số 0353.472.222;

- Trả Nguyễn Văn L 02 chiếc ĐTDD gồm: 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng bên trong có lắp sim số 0989.331.108; 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, bên trong có lắp sim số 0985.535.605;

- Trả Chu Tự D: 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Nokia 105 màu đen bên trong có lắp sim số 0353931065 và sim số 0973.563.127;

- Trả Nguyễn Văn T 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Oppo F7 màu đen bên trong có lắp sim số 0961.051.359;

- Phạm Văn C 02 chiếc ĐTDD gồm: 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Oppo A5 màu trắng, bên trong có lắp sim số 0964.263.376; 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có lắp sim số 0962.957.342.

6. Về án phí: Các bị cáo Chu Tự D, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Chung K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Chu Tự D, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Chung K phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng : Điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn L** 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Nguyễn Văn L thi hành án. Thời gian tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn L từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt. Phạt bị cáo Nguyễn Văn L 15.000.000,0 đồng (Mười lăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Chung K** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Nguyễn Chung K thi hành án. Thời gian tạm giữ của bị cáo Nguyễn Chung K từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được trừ vào thời hạn chấp hành phạt. Phạt bị cáo Nguyễn Chung K 15.000.000,0 đồng (Mười năm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 1,khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Chu Tự D** 01(một) năm,thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Chu Tự D thi hành án. Thời gian tạm giữ của bị cáo Chu Tự D từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/12/2020 được trừ vào thời hạn chấp hành phạt. Phạt bị cáo Chu Tự D 10.000.000,0 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước

Áp dụng khoản 1,khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự,khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn C** 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1(một) năm 8 (tám) tháng , thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn C cho UBND xã N,thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho án treo”*. Trường hợp bị cáo Phạm Văn C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.Phạt bị cáo Phạm Văn C 10.000.000,0 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước

Áp dụng khoản 1,khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 khoản 1, khoản 2,khoản 3, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1(một) năm 6 (sáu) tháng , thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã T,huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho án treo”*. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.Phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 10.000.000,0 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước

Áp dụng khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự ,Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 9.060.000đ.
- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ,01 đĩa sứ, 4 quân vị, 01 chiếc chăn đã qua sử dụng.
- + Trả lại cho các bị cáo Tài sản sau nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- Trả Nguyễn Chung K: 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO A5 2020 màu đen, bên trong có lắp sim số 0965773311 và số 0353.472.222;

- Trả Nguyễn Văn L 02 chiếc ĐTDĐ gồm: 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng bên trong có lắp sim số 0989.331.108; 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, bên trong có lắp sim số 0985.535.605;

- Trả Chu Tự D: 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 105 màu đen bên trong có lắp sim số 0353931065 và sim số 0973.563.127;

- Trả Nguyễn Văn T01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Oppo F7 màu đen bên trong có lắp sim số 0961.051.359;

- Phạm Văn C 02 chiếc ĐTDĐ gồm: 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Oppo A5 màu trắng, bên trong có lắp sim số 0964.263.376; 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có lắp sim số 0962.957.342.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/2/2021 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phúc Yên).

Án phí: Các bị cáo Chu Tự D, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Chung K mỗi bị cáo phải chịu nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án đề đề Tòa án nhân dân cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND Vĩnh Phúc;
- VKSND TP Phúc Yên;
- THADS TP Phúc Yên;
- Công an TP Phúc Yên;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và
UBND xã T, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Hồng

- Căn cứ các điều 41, 236, 239 và 243 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
- Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 101 ngày 30 tháng 11 năm 2020 và quyết định khởi tố bị can số 156, 157, 158, 159, 160 ngày 05 tháng 1